

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41 /2026/HS-ST
Ngày: 11/3/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lê Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Thanh Phong;

2. Bà Trần Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Bà Phan Tường linh- Kiểm sát viên .

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2026/HSST ngày 04/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2026, đối với bị cáo:

Trần Đức D. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 29 tháng 7 năm 2008, tại tỉnh Phú Thọ (tại thời điểm phạm tội D đủ 17 năm 01 tháng 07 ngày tuổi); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu T, phường P, tỉnh Phú Thọ; Bố đẻ: Trần Quyết T, sinh năm: 1985; Mẹ đẻ: Lê Thị H, sinh năm: 1985; Vợ con: Chưa có. Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 160 ngày 28/02/2025, Công an thị xã P, tỉnh Phú Thọ (cũ) xử phạt D về hành vi “dùng dao gây thương tích”. Mức phạt 2.875.000 đồng (Bị cáo chưa thi hành).

- Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10 ngày 27/3/2025, Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ (cũ) xử phạt D 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án, về tội Cố ý gây thương tích. Xác nhận bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 09/01.2025 đến ngày 27.3.2025. Chấp hành xong án phí ngày 26/5/2025. Tại thời điểm bị kết án, D 16 tuổi 02 tháng 20 ngày phạm tội nghiêm trọng nên được coi là không có án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh P. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện cho bị cáo: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1985; *(Có mặt)*

Trú tại: Khu T, phường P, tỉnh Phú Thọ;

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Bùi Thị Thanh N – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh P. *(Có mặt)*

Trụ sở: Đường N, phường V, tỉnh Phú Thọ

Người bị hại: Anh Trần Duy H1, sinh năm 2003 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Khu A, phường P, tỉnh Phú Thọ

Người làm công tác xã hội tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuấn A – Công chức Phòng Văn hóa – xã hội UBND phường P, tỉnh Phú Thọ. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Phường P, tỉnh Phú Thọ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Vợ chồng ông Trần Quyết T, sinh năm: 1985 và bà Lê Thị H, sinh năm: 1985 do bà Lê Thị H đại diện; *(Có mặt)*

Trú tại: Khu T, phường P, tỉnh Phú Thọ;

2. Anh Lê Văn K, sinh năm 1994 *(vắng mặt)*

Trú tại khu N, phường P, tỉnh Phú Thọ;

3. Anh Hồ Xuân T1, sinh năm: 2001 *(vắng mặt)*

Trú tại: Khu L, phường P, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng hơn 16 giờ ngày 05/9/2025, Trần Đức D, sinh ngày: 29/7/2008, trú tại khu T, phường P, tỉnh Phú Thọ, một mình đến quán B thuộc khu L, phường P, tỉnh Phú Thọ do anh Lê Văn K, sinh năm 1994, trú tại khu N, phường P, tỉnh Phú Thọ làm chủ để chơi bi a. Tại đây, D gặp Trần Duy H1, sinh năm: 2003, trú tại khu A, phường P, tỉnh Phú Thọ đang chơi bi a, nên D và H1 cùng rủ nhau chơi bi a ăn tiền với mức từ 20.000 đồng đến 40.000 đồng, sau đó nâng lên từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng mỗi ván. Lúc đầu, D chơi thắng nhưng H1 không cho nghỉ, tiếp tục gạ chơi đến 19 giờ, còn D không đồng ý nói chỉ chơi đến 18 giờ 20 phút. Sau đó, D chơi thua và bị H1 yêu cầu trả số tiền khoảng 800.000 đồng. Do D không có đủ tiền trả nên giữa hai bên xảy ra cãi chửi nhau. D bỏ đi và nói với H1 “*Chờ tao 03 phút tao mang tiền ra*”, rồi đi về phòng trọ của anh Hồ Xuân T1, sinh năm: 2001, ở khu L, phường P, tỉnh Phú Thọ lấy 01 con dao dạng dao thái thịt, chuôi gỗ, dài khoảng 30cm cất giấu trong áo phía sau lưng. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, D quay lại quán B thì thấy Hoàng cời trần đứng cùng Nguyễn Mạnh H2, sinh năm: 2003 và Trần Quốc M,

sinh năm: 2000, đều trú tại phường P, tỉnh Phú Thọ trước cửa quán. Lúc này, D nói với H1 “*Mày có thích chửi tao không, tao thách mày không cho nghỉ là sao*” rồi dùng tay phải tát vào mặt H1 02 cái, H1 không nói gì, đi vào trong quán cầm 01 cây gậy bi a, tháo rời khớp nối rồi đi về phía D, lúc này D rút con dao giấu sau lưng ra chém về phía H1 nhưng Hoàng lùi lại nên không trúng; H1 cầm phần chuôi gậy bi a vụt trúng vào vùng đầu của D, D đứng đối diện H1 cầm dao ở tay phải lao lên chém 02 nhát về phía H1, H1 giơ tay lên đỡ thì bị trúng vào cẳng tay rồi H1 bỏ chạy vào trong quán, còn D không đuổi theo mà cầm dao rời khỏi hiện trường. Hậu quả, anh Trần Duy H1 bị vết thương hở ở cẳng tay, phải điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh P từ ngày 05/9/2025 đến ngày 12/9/2025 thì ra viện.

Ngày 10/10/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã Quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với anh H1. Tại Bản kết luận giám định số A137 ngày 17/10/2025, Trung tâm Pháp y tỉnh P kết luận: *Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Duy H1 tại thời điểm giám định là: 21% (Hai mươi một phần trăm)*. Ngày 22/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã Quyết định trưng cầu Trung tâm Pháp y tỉnh P giám định bổ sung tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với anh Trần Duy H1, tuy nhiên anh H1 không đồng ý và có đơn từ chối giám định thương tích bổ sung.

Phục vụ công tác điều tra, ngày 24/11/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh P đã trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh P tiến hành giám định dấu vết sinh học; giám định vũ khí đối với con dao mà Cơ quan điều tra thu giữ của D, kết quả:

Tại bản kết luận giám định số 3650/KL-KTHS ngày 03 tháng 12 năm 2025 của phòng K1 - Công an tỉnh P kết luận: *Trên con dao gửi giám định không phát hiện có dấu vết máu người*

Tại bản kết luận giám định số 3954/KL-KTHS ngày 22 tháng 12 năm 2025 của phòng K1 Công an tỉnh P kết luận: *Mẫu vật gửi giám định là dao có tính sát thương cao (Dao sắc) theo quy định tại khoản 6 điều 2 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội về Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và theo quy định tại mục 2, Phụ lục 5 Danh mục dao có tính sát thương cao ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ C Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.*

Tại Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P, D khai nhận toàn bộ hành vi sử dụng trái phép vũ khí quân dụng là dao sắc có tính sát thương cao gây thương tích cho anh H1 như trên. Sau khi gây thương tích cho anh H1, D cầm dao về rửa sạch và đã tự nguyện giao nộp để phục vụ điều tra. Lời khai của D phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết quả giám định thương tích và các tài liệu khác Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P thu thập được.

Ngày 31/10/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P đã Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Đức D về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Căn cứ quy định tại điểm b, tiểu mục 1.2 mục 1, Hướng dẫn số 01 ngày 05/01/2026 của Toà án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự, thì hành vi nêu trên của Trần Đức D cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” nhưng không xác định hành vi dùng dao có tính sát thương cao là tình tiết dùng vũ khí để định khung hình phạt đối với tội “Cố ý gây thương tích”. Do đó, Trần Đức D phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P đã Quyết định khởi tố bổ sung vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bổ sung bị can đối với D theo quy định.

Đối với Trần Duy H1 và Trần Đức D đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bi a, nhưng số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, bản thân H1 và D chưa có tiền án, tiền sự về các tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc nên hành vi của H1 và D không cấu thành tội “Đánh bạc”. Ngày 22/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P chuyển tài liệu, hồ sơ đến Công an phường P, tỉnh Phú Thọ để Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với Trần Duy H1 thực hiện hành vi dùng cây gậy bi a vọt một phát trúng vào vùng đầu của Trần Đức D, kết quả điều tra xác định là do D đã có hành vi tát H1 trước, sau đó D tiếp tục dùng dao chém H1 nhưng không trúng nên hành vi của H1 thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng. Bản thân D không bị thương tích, không yêu cầu đề nghị gì nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P không đề cập xử lý.

Đối với Lê Văn K là chủ quán K2 do thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động đánh bạc tại cơ sở do mình quản lý, đã vi phạm điểm đ khoản 3 Điều 28 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã chuyển tài liệu, hồ sơ đến Công an phường P, tỉnh Phú Thọ để xử phạt theo quy định.

Về vật chứng, đồ vật, tài sản thu giữ: Đối với 01 con dao (loại thái thịt) bằng kim loại có chiều dài 30cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 11cm, phần thân dao bằng kim loại màu sáng trắng dài 19cm đã qua sử dụng và 02 đoạn gậy bi a bằng gỗ trụ tròn, trong đó: 01 đoạn dài 38cm một đầu được sơn màu đen đường kính 03cm, một đầu bị gãy nham nhỡ đường kính 2,5cm, 01 đoạn dài 108cm một đầu bị gãy nham nhỡ và được sơn hoa văn đen răng đường kính 2,5cm, một đầu được bịt tủy đường kính 01cm đã qua sử dụng là vật chứng của vụ án, hiện đang được tạm giữ tại kho vật chứng Công an tỉnh P chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H1 yêu cầu D và đại diện của D phải bồi thường tiền thuốc, tiền viện phí, tiền thuê xe taxi, tiền công người chăm sóc và bồi thường tổn hại sức khỏe tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Quá trình điều tra, truy tố, D và đại diện của D chưa bồi thường khoản tiền nào cho anh H1. Tại phiên tòa, bà H – mẹ bị cáo không đồng ý với mức yêu cầu bồi thường của anh H1 và đề nghị được bồi thường theo quy định pháp luật đồng thời trả trước cho anh H1 5.000.000đ nhưng anh H1 không chấp nhận và yêu cầu thanh toán đủ một lần.

Đối với con dao D lấy tại nhà trọ của anh Hồ Xuân T1 để gây thương tích cho anh H1 và 02 đoạn gây bị a bằng gỗ hình trụ thu giữ của anh Lê Văn K. Anh T1, anh K xác định con dao và chiếc gây bị a có giá trị nhỏ nên không yêu cầu, đề nghị nhận lại hay bồi thường.

Về điều kiện kinh tế: Bị cáo D không có tài sản nhà đất và không có tài sản riêng gì có giá trị.

Tại phiên tòa, bà H – mẹ bị cáo thừa nhận bị cáo đã vi phạm pháp luật, bị đưa ra xét xử là không oan sai, tuy nhiên bà đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D do D là người chưa trưởng thành, chưa có nhận thức đầy đủ. Bà đồng ý thay D bồi thường cho anh H1 theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Bà Bùi Thị Thanh N thừa nhận bị cáo đã vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX áp dụng các quy định của pháp luật về người chưa thành niên để cho bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

Tại phiên tòa, Bà Đinh Thị Tuấn A đề nghị HĐXX xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKSKV2 ngày 02/02/2026 của VKSND khu vực 2 - Phú Thọ đã truy tố Trần Đức D về tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 điều 134 và khoản 1 điều 304 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Đức D phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Áp dụng khoản 1, Điều 134, khoản 1 Điều 304 điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với cả 02 tội), khoản 4 Điều 65, Điều 55, 56 BLHS, khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024, xử phạt Trần Đức D từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và từ 12 tháng 15 tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; Tổng hình phạt cả 2 tội là từ 21 tháng 27 tháng tù. Tổng hợp với 18 tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án số 10 ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ (cũ), buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung từ 39 tháng 45 tháng tù, được trừ thời gian tạm giam của Bản án số 10 từ ngày 09.01.2025 đến ngày 27.3.2025. Thời gian chấp hành hình phạt tù

tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 31/10/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 106 BLTTHS, điểm a, khoản 1 Điều 47 BLHS.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 con dao (loại thái thịt) bằng kim loại có chiều dài 30cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 11cm, phần thân dao bằng kim loại màu sáng trắng dài 19cm đã qua sử dụng và 02 đoạn gậy bi a bằng gỗ trụ tròn, trong đó: 01 đoạn dài 38cm một đầu được sơn màu đen đường kính 03cm, một đầu bị gãy nham nhở đường kính 2,5cm, 01 đoạn dài 108cm một đầu bị gãy nham nhở và được sơn hoa văn đen rỗng đường kính 2,5cm, một đầu được bịt tẩy đường kính 01cm đã qua sử dụng.

Về dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 48 BLHS, buộc Trần Đức D và đại diện của D phải bồi thường cho bị hại anh H1 số tiền làm tròn từ 44.660.000 đồng đến 52.068.000 đồng.

Về án phí : Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Người đại diện của bị cáo phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo D khi nói lời sau cùng thừa nhận đã phạm tội, không bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo D không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, lời khai nhận tội của bị cáo thể hiện: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 05/9/2025, tại quán B của anh Lê Văn K ở khu L, phường P, tỉnh Phú Thọ; do mâu thuẫn cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi sử dụng trái phép vũ khí quân dụng là dao sắc có tính sát thương cao chém gây thương tích cho anh Trần Duy H1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 21% .

Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và vật chứng thu được của vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận bị cáo Trần Đức D phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Sử dụng trái phép vũ*

khí quân dụng” quy định tại khoản 1 điều 134 và khoản 1 điều 304 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Điều 304 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.”

[3] Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội. Ngày 05/9/2025, D sử dụng dao sắc thuộc danh mục vũ khí quân dụng là công cụ nguy hiểm, xâm hại gây thiệt hại 21% sức khỏe của anh H1. Hành vi của D đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, xâm hại sức khỏe của người khác cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét về nhân thân bị cáo: Bị cáo D là người chưa thành niên, thời điểm phạm tội, D mới 16 năm 9 tháng 7 ngày tuổi, nhận thức, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Chỉ vì mâu thuẫn khi chơi bi a giữa D và anh H1 mà D đã về nhà trọ lấy dao loại dao thái thịt của anh T1 đến sát rồi chém anh H1. Hành vi đó của bị cáo thể hiện sự coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Bản thân D năm 2025, đã bị TAND thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ (cũ) xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo cũng về hành vi cố ý gây thương tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Điều đó chứng tỏ bị cáo không biết hối cải, coi thường pháp luật. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Năm 2025, bị cáo bị xét xử về hành vi cố ý gây thương tích mức hành vi nghiêm trọng, khi phạm tội bị cáo mới 16 năm 02 tháng 02 ngày tuổi nên được xác định là không có tiền án; Bị cáo có 01 có tiền sự nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã nêu, HĐXX cân nhắc thấy rằng cần thiết phải xử phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới đủ tác dụng để giáo dục bị cáo trở thành người có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và cũng nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung : Khoản 5 điều 304 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, quy định: *“ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến*

50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm”. Xét thấy bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi, không có tài sản, là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Anh H1 yêu cầu D và đại diện của D phải bồi thường tiền thuốc, tiền viện phí, tiền thuê xe taxi, tiền công người chăm sóc và bồi thường tổn hại sức khỏe tổng số tiền là 100.000.000 đồng. D và đại diện của D chưa bồi thường khoản tiền nào cho anh H1. Quá trình điều tra, anh H1 giao nộp: Các hoá đơn Viện phí, chi phí phẫu thuật tổng: 13.500.000 đồng;

Đối với các khoản chi phí không có chứng từ, hoá đơn, anh H1 đề nghị được trả gồm: Chi phí đi lại cấp cứu điều trị từ phường P đi phường V: 05 lượt x 500.000đ/ lượt = 2.500.000 đồng; Tiền công người chăm sóc: 8 ngày x 400.000đ/ ngày = 3.200.000 đồng; Tiền công người chăm sóc sau xuất viện: 30 ngày x 400.000 đồng/ ngày = 12.000.000 đồng; T2 bị mất thu nhập do không lao động được sau khi bị thương tích: 20.000.000 đồng; Tiền mất thu nhập trong thời gian bình phục thương tích: 96 ngày x 300.000 đồng/ ngày = 28.000.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần: 20.000.000 đồng.

Xét thấy: Khoản viện phí, chi phí phẫu thuật: 13.500.000 đồng (có hoá đơn, chứng từ) là chi phí chính đáng cần chấp nhận toàn bộ;

Đối với chi phí đi lại, anh H1 đề nghị 05 lượt x 500.000 đồng/ lượt tuy nhiên, theo tài liệu có trong hồ sơ ngoài 01 lượt xe đưa đi cấp cứu và 01 lượt xe đi từ Bệnh viện về nhà, anh H1 không chứng minh được các lượt đi khác là đi đâu, thời điểm nào và đi làm gì (ví dụ đi tái khám theo chỉ định bác sỹ hoặc khám bất thường). Do đó HĐXX chấp nhận 02 lượt đi và về x 500.000 đồng/ lượt = 1.000.000 đồng.

Đối với khoản chi phí cho người chăm sóc anh H1 (chị T3 là mẹ anh H1) trong thời gian nằm viện 08 ngày, từ 05/9/2025 đến 12/9/2025, anh H1 đề nghị trả 400.000 đồng/ ngày. Tuy nhiên, theo mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định tại phường P, tỉnh Phú Thọ năm 2026 là vùng III, mức 4.140.000 đồng/ tháng và làm tròn là 160.000 đồng/ ngày và kết quả xác minh thu nhập bình quân tại địa phương (phường P, tỉnh Phú Thọ) xác định 68.000.000 đồng/ năm đối với lao động tự do, bình quân 01 tháng làm tròn là 5.666.000 đồng và bình quân 01 ngày công lao động làm tròn là 218.000 đồng. Do đó, mức anh H1 đề nghị là cao so với quy định của Nhà nước và thực tế. HĐXX áp dụng mức thu nhập theo thực tế tại địa phương là 218.000 đồng/ ngày x 08 ngày = 1.744.000 đồng.

Đối với yêu cầu được chi trả tiền công cho người chăm sóc: 30 ngày x 400.000 đồng = 12.000.000 đồng sau khi anh H1 xuất viện là không có căn cứ và không cần thiết, HĐXX không chấp nhận với lý do anh H1 chỉ bị gãy đốt bàn ngón V tay trái

còn phương tiện kết hợp xương (đóng đinh) có thể hạn chế vận động mạnh nhưng vẫn tự chăm sóc và tự sinh hoạt cá nhân mà không cần người chăm sóc.

Đối với khoản thu nhập bị mất do không lao động được trong thời gian nằm viện, anh H1 yêu cầu được trả 20.000.000 đồng và sau khi bị thương tích, thời gian bình phục, mất thu nhập là 96 ngày x 300.000 đồng/ ngày = 28.800.000 đồng. Nhận thấy: đối với thời gian 08 ngày nằm viện là thời gian thực tế cần chấp nhận x 218.000 đồng (là mức bình quân thu nhập 01 ngày theo kết quả xác minh thực tế tại địa phương) = 1.744.000 đồng; đối với thời gian bình phục căn cứ thương tích xem xét cho anh H1 hưởng 60 ngày mất thu nhập x 218.000 đồng/ ngày = 13.080.000 đồng là phù hợp và có cơ sở.

Đối với khoản tiền tổn thất tinh thần anh H1 đề nghị được bồi thường 20.000.000 đồng, xét về tỷ lệ tổn thương cơ thể 21% là phù hợp cần chấp nhận.

Như vậy: Tổng số tiền anh H1 yêu cầu D và người đại diện của D phải bồi thường cho anh H1 có cơ sở xem xét chấp nhận là 51.068.000 đồng.

Đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với con dao D lấy tại nhà trọ của anh Hồ Xuân T1 để gây thương tích cho anh H1 và 02 đoạn gậy gậy bi a bằng gỗ hình trụ thu giữ của anh Lê Văn K. Anh T1, anh K xác định con dao và chiếc gậy bi a có giá trị nhỏ nên không yêu cầu đề nghị nhận lại hay bồi thường. Xét thấy, đây là các tài sản, phương tiện liên quan đến việc phạm tội, giá trị sử dụng không lớn cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với Trần Duy H1 và Trần Đức D đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bi a, nhưng số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, bản thân H1 và D chưa có tiền án, tiền sự về các tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc nên hành vi của H1 và D không cấu thành tội “Đánh bạc”. Ngày 22/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P chuyển tài liệu, hồ sơ đến Công an phường P, tỉnh Phú Thọ để Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định là phù hợp.

Đối với Trần Duy H1 thực hiện hành vi dùng cây gậy bi a vụt một phát trúng vào vùng đầu của Trần Đức D, kết quả điều tra xác định là do D đã có hành vi tát H1 trước, sau đó D tiếp tục dùng dao chém H1 nhưng không trúng nên hành vi của H1 thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng. Bản thân D không bị thương tích, không yêu cầu đề nghị gì nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Lê Văn K là chủ quán K2 do thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động đánh bạc tại cơ sở do mình quản lý, đã vi phạm điểm đ khoản 3 Điều 28 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã chuyển tài liệu, hồ sơ đến Công an phường P, tỉnh Phú Thọ để xử phạt theo quy định là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Người đại diện của bị cáo phải chịu thay bị cáo án phí dân sự theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với tội Cố ý gây thương tích), khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với tội Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng), khoản 4 Điều 65, điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 2 điều 56 BLHS, khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024; Khoản 2 Điều 48; Điểm a, khoản 1 Điều 47 BLHS: điểm a, khoản 2 Điều 106, Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23, điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Trần Đức D phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”.

Xử phạt: Trần Đức D 09 (*chín*) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, và 12 (*mười hai*) tháng tù về tội Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng. Tổng hình phạt cả 2 tội là 21 (*hai mươi mốt*) tháng tù. Tổng hợp với 18 tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án số 10 ngày 27/3/2025 của Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ (cũ), buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 39 (*ba mươi chín*) tháng tù, được trừ thời gian tạm giam của bản án số 10 từ ngày 09.01.2025 đến ngày 27.3.2025. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 31/10/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao (loại thái thịt) bằng kim loại có chiều dài 30cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 11cm, phần thân dao bằng kim loại màu sáng trắng dài 19cm đã qua sử dụng và 02 đoạn gậy bi a bằng gỗ trụ tròn, trong đó: 01 đoạn dài 38cm một đầu được sơn màu đen đường kính 03cm, một đầu bị gãy nham nhở đường kính 2,5cm, 01 đoạn dài 108cm một đầu bị gãy nham nhở và được sơn hoa văn đen răng đường kính 2,5cm, một đầu được bịt tẩy đường kính 01cm đã qua sử dụng.

(*Các vật chứng nêu trên có đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng tại kho vật chứng Công an tỉnh P*).

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Trần Đức D và đại diện của D là bà Lê Thị H phải bồi thường cho anh H1 số tiền 51.068.000 (*năm mươi mốt triệu không trăm sáu mươi tám nghìn*) đồng.

Kể từ ngày tuyên án, anh Trần Duy H1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Trần Đức D và người đại diện của D còn phải trả cho bị hại tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với

thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị cáo Trần Đức D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bà Lê Thị H phải chịu 2.553.000đ án phí dân sự trong án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận :

- Bị cáo; BH, TGV, NLCTXH, NĐD, NLQ
- UBND phường Phong Châu;
- Viện KSND khu vực 2- Phú Thọ;
- Viện KSND tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan CSĐT công an tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng hồ sơ NV, CA tỉnh Phú Thọ;
- Phòng GD, KT, TT và THA TAND tỉnh PT;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Thanh

